

THÀNH TÂN SỞ VÀ PHONG TRÀO “CÀN VƯƠNG” Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ

HÀ MẠNH KHOA*

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Sau Hiệp ước Harmand (25-8-1883), trong lúc thực dân Pháp nôn nóng muốn sớm hoàn thành việc đánh chiếm Việt Nam, thì trong nội bộ triều đình Huế có nhiều biến động. Vua Hiệp Hoà thân Pháp bị phế bỏ, Kiến Phúc lên thay (2-12-1883), mọi việc đều “*theo sự sắp xếp và đề nghị của Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường*”¹. Ngày 6-6-1884, triều đình Huế lại phải ký thêm Hiệp ước Patenôtre đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu cho quyền đô hộ của Pháp. Ngày 31-7-1884, vua Kiến Phúc mất, em ruột là Nguyễn Phúc Ưng Lịch, còn có tên là Nguyễn Phúc Minh được đưa lên ngôi vua ngày 2-8-1884, đặt niên hiệu là **Hàm Nghi**.

Lúc này, trong triều đình Huế, Tôn Thất Thuyết là người đứng đầu phe chủ chiến, kiên quyết chống Pháp. Tôn Thất Thuyết là một trong ba Phụ chánh đại thần², đồng thời giữ chức Thượng thư Bộ Binh nắm trong tay mọi binh quyền, bí mật liên kết xây dựng lực lượng chờ ngày hành động khi thời cơ tới. Mặc dù tại kinh thành Huế có quân Pháp chiếm đóng và ngày đêm theo dõi, ông vẫn lợi dụng hiệp ước năm 1884 ráo riết tuyên mộ, tổ chức và đẩy mạnh huấn luyện các đội quân Phấn Nghĩa và Đoàn Kiệt, đồng thời mở “đường thượng đạo” xây dựng một hệ thống các đồn sơn phòng dọc theo sườn đông Trường Sơn, chuyên súng lớn (súng thần công), kho tàng, lương thực ra căn cứ Tân Sở (huyện Cam Lộ, Quảng Trị). Trong quá trình đó, Tôn Thất Thuyết đã thẳng tay trừng trị bọn quan lại cao cấp hay hoàng thân quốc thích có hành động đầu hàng Pháp.

Vào thời điểm này, những cuộc chiến đấu chống Pháp ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ vẫn tiếp tục nổ ra. Đặc biệt ở ngoài Bắc, phong trào chống lại các hiệp ước năm 1883 và năm 1884 phát triển rất mạnh với hai trung tâm

* TS. Viện Sử học. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, T.36, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.35.

² Khi vua Tự Đức mất (17-7-1883) có lập di chúc cử ba người họp lại thành Hội đồng phụ chính để giúp vua mới lên ngôi. Ngoài Tôn Thất Thuyết còn có Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành. Nguyễn Văn Tường sau bị Pháp đày ra Côn Đảo, rồi Tahiti và chết tại đây, thi hài được đưa về nước.

Sơn Tây và Bắc Ninh. Ngay tại các huyện xung quanh Hà Nội như Hoài Đức, Vĩnh Thuận, Thanh Oai... xuất hiện nhiều toán nghĩa quân mai phục tấn công các đội quân Pháp trên đường hành quân. Trong đội ngũ quan lại của nhà Nguyễn lúc này một số người đã chống lại lệnh triều đình không ra làm việc cho Pháp. Đặc biệt, có một số người đã đứng ra mộ quân tổ chức khởi nghĩa chống Pháp như: Nguyễn Thiện Thuật (Tán lý quân thứ Sơn Tây), Tạ Hiện (Đề đốc Nam Định), Lương Tuấn Tú (Tiểu phủ sứ Cao Bằng-Thái Nguyên), Phan Vụ Mẫn (An sát Thái Bình), Hoàng Văn Hoè (Tri phủ Kiến Xương-Thái Bình), Nguyễn Văn Giáp (Bô chánh Sơn Tây), Ngô Quang Bích (Tuần phủ Hưng Hoá), Nguyễn Cao (Tán lý quân thứ Bắc Ninh), Lã Xuân Oai (Tuần phủ Lạng Sơn), Đỗ Huy Liệu (Tham biện Các vụ)... Chính phong trào chống xâm lược của nhân dân các địa phương trong nước ngay sau khi triều đình ký điều ước với nhiều điều khoản có hại cho đất nước đã là cơ sở và nguồn cổ vũ cho phái chủ chiến ở Huế kiên quyết hành động chống Pháp.

Những công việc chuẩn bị lực lượng của phái chủ chiến dù được tiến hành hết sức bí mật đều bị bọn tay sai của Pháp nắm ngay trong triều báo cáo với Khâm sứ Pháp là Rheinard tại Huế. Tình hình đó làm cho nhà cầm quyền Pháp lo ngại, cảnh giác đề phòng và thấy đã đến lúc cần loại bỏ phái chủ chiến trong triều đình Huế.

Tháng 10-1884, Khâm sứ Trung Kỳ đã đòi triều đình Huế triệt bỏ các khẩu súng đại bác bố trí trên mặt thành. Tổng chỉ huy quân đội Pháp bấy giờ là tướng Briere de l'Isle chủ trương buộc Hội đồng phụ chính do Tôn Thất Thuyết đứng đầu phải từ chức, rồi đưa một hội đồng khác do chúng nắm lên thay để lũng đoạn tình hình. Đồng thời, Chính phủ Pháp cũng tăng cường viện trợ quân sự và tài chính để đẩy mạnh việc hoàn thành chiếm đóng Việt Nam

Ngày 31-5-1885, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp chỉ thị cho Khâm sứ Lemaire phải tìm cách loại trừ Tôn Thất Thuyết khỏi triều đình Huế. Thực dân Pháp thấy rõ rằng: “*Cái nút vấn đề nước Nam là ở Huế*” và “*Trễ còn hơn không. Ta sẽ bắt Trường và Thuyết chẵn, hay là sẽ làm sao cho họ không còn có cách gì phá hoại ta nữa*”³, nên chúng quyết tâm dùng áp lực quân sự để loại bỏ phái chủ chiến, giải tán quân đội của triều đình. Để thực hiện âm mưu “bắt cóc” những người chủ chiến, Courcy bày chuyện “Trình quốc thư” nhân dịp đó sẽ bắt giữ vua Hàm Nghi và các viên quan Phụ chính. Nhưng chúng đã thất bại trước sự cảnh giác của Tôn Thất Thuyết.

³. Charles Gosselin: dẫn trong *L'Empire d'Annam (Đế quốc An Nam)*, Nxb. Perri et Cie, Paris, 1904, tr.197.

Tình hình ngày càng căng thẳng, biết rõ âm mưu loại trừ phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết cầm đầu của nhà cầm quyền Pháp, nhưng Tôn Thất Thuyết vẫn không nao núng. Một mặt, ông gấp rút chấn chỉnh quân đội, đào hào đắp lũy ngay trong hoàng thành, chuẩn bị súng ống, đạn dược, khí giới, bố trí dàn đại bác trên mặt thành sẵn sàng chiến đấu; mặt khác, gấp rút xây dựng thành Tân Sở và chuyển gấp ra đó nhiều tài sản quý giá của triều đình, kể cả một số súng đạn.

Biết trước được âm mưu thâm độc của thực dân Pháp, Tôn Thất Thuyết đã quyết định nổ súng trước để giành thế chủ động mặc dù việc chuẩn bị chưa thật đầy đủ.

Đêm mùng 4 rạng sáng mùng 5-7-1885, hai đạo quân của triều đình do Tôn Thất Lệ (em ruột Tôn Thất Thuyết) và Trần Xuân Soạn chỉ huy cùng lúc tấn công các căn cứ Pháp tại Huế. Bị tấn công bất ngờ, lúc đầu quân Pháp hoảng loạn, nhưng sau đó chúng chấn chỉnh lực lượng và tới gần sáng thì mở cuộc phản công.

Sau khi đánh bại cuộc tấn công của phái chủ chiến vào các cơ sở của Pháp ở kinh thành, quân Pháp tràn vào hoàng cung vợ vết kho tàng châu báu, tiến hành cướp của cải nhà dân và quan lại, đốt phố xá và dinh thự, tàn sát nhân dân Huế rất dã man. Và ngay lập tức chúng đưa Đồng Khánh lên làm vua bù nhìn⁴. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch, để bảo toàn lực lượng và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, sáng mùng 5 tháng 7, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng ra khỏi hoàng thành, theo đường rút ra Tân Sở.

II. TÂN SỞ VÀ PHONG TRÀO HƯỜNG ỨNG DỰ CÀN VƯƠNG

1. Tân Sở

Thành Tân Sở hay Sơn phòng Tân Sở, nay thuộc địa phận làng Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Thành Tân Sở được xây dựng trên một bình nguyên đất đỏ bazan, bốn phía là các dãy núi trùng điệp bao bọc. Ngay sau khi tàu chiến Pháp đánh phá cửa Thuận An (tháng 8 năm 1883), dân đến Hiệp ước Harmand được ký kết, thì Tôn Thất Thuyết đã chủ động gấp rút xây dựng thành Tân Sở ở Cam Lộ để phòng khi

⁴ Ngày 6 tháng 8 năm Ất Dậu, tức ngày 19 tháng 9 năm 1885, Nguyễn Phúc Ưng Kỳ là anh của vua Hàm Nghi, phải thân hành sang bên Khâm sứ Pháp làm lễ thụ phong, được tôn làm vua, lấy niên hiệu là Đồng Khánh. Vua Đồng Khánh ở ngôi được ba năm thì bệnh và mất vào ngày 27 tháng 12 năm Mậu Tý, tức ngày 28 tháng 1 năm 1889, khi đó ông 25 tuổi.

phải đem nhà vua lên đó chỉ huy và phát động phong trào kháng Pháp. Đến đầu năm 1885, về cơ bản công trình đã được hoàn thành.

Trong hai năm, Tôn Thất Thuyết đã cho huy động tới 2.000 dân phu vào việc đào hầm, đắp lũy và 3 tháng trước ngày đánh úp Pháp ở Huế, ông đã bí mật chuyển các vật liệu, súng ống, thóc gạo, châu báu, bạc tiền đến Tân Sở. Cùng tham gia chỉ huy xây dựng thành Tân Sở còn có Phụ chính Nguyễn Văn Tường và Tham tri Bộ Công Phạm Thận Duật. Thành Tân Sở được xây dựng theo cấu trúc hình chữ nhật dài 548m, rộng 418m, với tổng diện tích 22,9 ha. Thành có hai phần là thành ngoại và thành nội. Đến đầu năm 1885, về cơ bản công trình đã được hoàn thành. Sau khi rời Kinh thành Huế đến căn cứ Tân Sở, ngày 13-7-1885, tại đây, vua Hàm Nghi ra Dụ Cần Vương⁵. kể lại tình hình chiến đấu, lý do rời bỏ kinh thành, kịch liệt tố cáo tội ác của Pháp và hô hào toàn dân ứng nghĩa phò vua cứu nước.

Trong Dụ, vua Hàm Nghi sau khi nêu lên tình cảnh đất nước đang gặp nhiều biến cố,, bị thực dân Pháp đè nén, áp bức, kêu gọi mọi người noi gương người xưa ứng nghĩa phò vua cứu nước: *“Trăm quan khanh sĩ không kẻ lớn nhỏ, chắc không nỡ xa bỏ trẫm, người trí giúp mưu, người dũng giúp sức, người giàu xuất của để giúp quân nhu, cùng nhau đoàn kết, chẳng ngại gian hiểm, làm cách gì mà có thể cứu nguy đờng ngã, gỡ chỗ khó, giúp khi bí, thấy đều hết lòng hết sức. May mà trời cũng chiêu người, chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành an, thu lại đất đai, phục lại bờ cõi, cơ hội này thật phúc cho nước nhà, tức là phúc cho thần dân, đã cùng nhau lo lắng thì được cùng nhau yên vui, há chẳng tốt lắm ru?”*⁶ Tuy vậy, vị trí Tân Sở đã bộc lộ không ít những nhược điểm. Phạm Văn Sơn, trong *Việt Nam cách mạng sử*, đã nhận xét: *“Tân Sở là một cái thành xây trên một cao nguyên, phía Tây là Lào, phía Đông là những bãi cát khô khan của tỉnh Quảng Trị. Và Tôn Thất Thuyết sở dĩ phải bỏ Tân Sở, vì có tới đây ông mới thấy vùng Cam Lộ có nhiều điều bất lợi, bởi không đông dân chúng và ít trù phú, việc tuyển mộ lính tráng sẽ khó khăn, việc tiếp vận quân lương, vũ khí sẽ bế tắc nốt... Ngoài ra, nếu quân Pháp chiếm đóng Cam Lộ, Tân Sở sẽ thành cái túi mà miệng túi đã đóng rồi, các lối ra biển, lên Lào, vào Nam, ra Bắc đều sẽ bất tiện. Chính vì vậy,*

⁵ Trước đây thường gọi là Chiếu Cần Vương. Nhưng Dụ là văn bản theo thể loại ban hành mệnh lệnh, bắt người nhận phải thi hành Dụ của Hoàng đế, nếu không sẽ bị pháp luật (nhà vua) trừng trị. Còn Chiếu là văn bản thường có tính chất thông báo, tuyên cáo cho mọi người biết. Trong nguyên bản Dụ Cần vương chụp trong *Trung Pháp chiến tranh tư liệu*, Tập VII, toàn bộ văn bản này mở đầu bằng chữ Dụ. Vì vậy nên gọi là Dụ Cần Vương mới sát nghĩa.

⁶ (Theo bản dịch của Lê Thước).

ông Thuyết muốn đem vua đi Nghệ Tĩnh, là nơi có thể làm trung tâm lâu dài cho cuộc kháng chiến... ”⁷.

Nhận thấy rõ yếu điểm của Tân Sở, để bảo toàn lực lượng, tránh sự truy lùng gắt gao của quân Pháp, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi vượt sang phía tây Trường Sơn trên đất nước Lào rút ra sơn phòng Ấu Sơn (làng Phú Gia, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh).

Tuy vua Hàm Nghi và phái chủ chiến chỉ ở Tân Sở chỉ một thời gian ngắn, nhưng với sự ra đời của Dụ Cần Vương, Tân Sở trở thành một dấu son trong lịch sử phong trào kháng Pháp cuối thế kỷ XIX của dân tộc do vị vua yêu nước Hàm Nghi kêu gọi. Từ đây, lời kêu gọi cứu nước của nhà vua trẻ tuổi thoát ly triều đình Huế đã đẩy lên một phong trào kháng Pháp của nhân dân ta trên khắp mọi miền đất nước dưới sự lãnh đạo của các văn thân sĩ phu yêu nước.

2. Phong trào hưởng ứng Dụ Cần Vương.

Phong trào Cần Vương bùng nổ từ sau sự biến Kinh thành Huế vào đầu tháng 7-1885 và kéo dài đến những năm cuối của thế kỷ XIX. Trong thời gian này có những cuộc khởi nghĩa nổ ra trước khi có Dụ Cần Vương, có những cuộc khởi nghĩa nổ ra ngay sau khi Dụ Cần Vương ra đời dưới sự chỉ huy thống nhất của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết và kể cả khi vua Hàm Nghi bị bắt⁸ năm 1888. Dù nổ ra trước hay sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào hưởng ứng Dụ Cần Vương chống Pháp của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX đã lan rộng khắp các địa phương trong cả nước, mà mạnh nhất là ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

2.1. Phong trào ở Bắc Kỳ.

Ở vùng Tây Bắc, nghĩa quân Ngô Quang Bích và Nguyễn Văn Giáp hoạt động mạnh trên vùng sông Đà, có sự phối hợp hiệu quả của các đội nghĩa quân Nguyễn Đức Ngữ (Độc Ngữ), Hoàng Văn Thúy (Đề Kiêu) và một số các tù trưởng, lang đạo miền núi như Đèo Văn Thanh, Cầm Văn Toa...

Vùng Lạng Sơn, Bắc Giang, đáng chú ý là cuộc khởi nghĩa của Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh).

Tại vùng đồng bằng Bắc Kỳ có các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Văn Giáp ở Phú Thọ; Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Cao ở Bắc Ninh, Hưng

⁷. Phạm Văn Sơn (1963), *Việt Nam cách mạng sử*, Sài Gòn, tr. 50.

⁸. Nguyễn Khánh Toàn (2004) (Chủ biên)..., *Lịch sử Việt Nam, T.II (1858-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 86: “Hàm Nghi bị Pháp bắt ngày 1-11-1888”.

Yên, Hải Dương; Tạ Hiện, Lã Xuân Oai, Đỗ Huy Liêu, Vũ Hữu Lợi, Nguyễn Đức Huy ở Nam Định, Thái Bình.

Trong phong trào ở Bắc Kỳ, tiêu biểu nhất là khởi nghĩa Bãi Sậy (1883-1892).

Bãi Sậy là một trong những trung tâm chống Pháp lớn nhất hồi cuối thế kỷ XIX. Phong trào Bãi Sậy bắt đầu hình thành từ 1883 và kéo dài đến 1892. Trong thời kỳ đầu (1883-1885), phong trào ban đầu do Đinh Gia Quế lãnh đạo, địa bàn lúc này còn giới hạn ở vùng Bãi Sậy (bao gồm địa phận các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên). Từ 1885 trở đi, dưới danh nghĩa Cần Vương, Nguyễn Thiện Thuật đã tập hợp nhiều đội quân nhỏ trong vùng và các địa phương lân cận, hình thành một phong trào có quy mô lớn nhất ở đồng bằng Bắc Bộ lúc đó. Nghĩa quân phối hợp, hoạt động rộng khắp hai tỉnh Hưng Yên, Hải Dương và một phần các tỉnh Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Yên. Các hoạt động vũ trang của nghĩa quân không chỉ trực tiếp làm tiêu hao sinh lực địch, mà còn làm cho chính quyền tay sai vô cùng hoảng sợ. Một số quan lại sợ hãi đã phải trao lại quyền hành cho lực lượng kháng chiến. Nghĩa quân có hai căn cứ lớn là Bãi Sậy và Hai Sông.

Từ cuối năm 1886 sang đầu năm 1887, thực dân Pháp tập trung lực lượng bao vây tiêu diệt nghĩa quân Bãi Sậy. Trước tình thế khó khăn, giữa năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật giao quyền lại cho em trai là Nguyễn Thiện Kế và một số tướng lĩnh khác, rồi vượt vòng vây đến căn cứ Hai Sông. Đến năm 1892, khi thủ lĩnh cuối cùng của phong trào Bãi Sậy là Đốc Vinh bị Pháp giết, lực lượng nghĩa quân Bãi Sậy mới tan rã hẳn. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883-1892) là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất cho phong trào yêu nước chống xâm lược Pháp của nhân dân đồng bằng sông Hồng cuối thế kỷ XIX.

2.2. Phong trào ở Trung Kỳ.

Đây là khu vực có nhiều cuộc khởi nghĩa hưởng ứng Dụ Cần Vương nhất. Hầu hết các tỉnh thuộc Trung Kỳ đều có các cuộc nổi dậy chống Pháp.

Ở Thanh Hoá có khởi nghĩa của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (Nga Sơn), Tống Duy Tân và Cao Điển (Vĩnh Lộc)....

Ở Nghệ An có khởi nghĩa Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ (Yên Thành, Diễn Châu).

Ở Hà Tĩnh có khởi nghĩa Lê Ninh, Phan Đình Phùng, Cao Thắng (Đức Thọ, Hương Sơn, Hương Khê).

Ở Quảng Bình có khởi nghĩa Lê Trực và Nguyễn Phạm Tuân.

Ở Quảng Trị có khởi nghĩa của Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như...

Ở Thừa Thiên Huế có Đặng Hữu Phổ...

Ở Quảng Ngãi, Quảng Nam có Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan, Trần Văn Dur, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàm.

Ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, có Mai Xuân Thưởng, Nguyễn Duy Cung, Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Phạm Toàn...

Trong các cuộc khởi nghĩa trên, đáng chú ý là những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như sau:

- Khởi nghĩa Ba Đình (1886-1887)

Khởi nghĩa Ba Đình mở đầu cho phong trào chống Pháp ở tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ Ba Đình được xây dựng ở ba làng Mỹ Khê, Thượng Thọ, Mậu Thịnh thuộc huyện Nga Sơn. Căn cứ này có ý nghĩa to lớn về mặt nghệ thuật xây dựng chiến tuyến phòng ngự. Chính người Pháp đã phải thừa nhận: *“Trong chiến dịch 1886-1887, cuộc công hãm Ba Đình là quan trọng nhất. Cuộc chiến đấu này thu hút nhiều quân nhất và làm cho các cấp chỉ huy lo ngại nhất”*⁹.

Đứng đầu căn cứ Ba Đình là Phạm Bành và Đinh Công Tráng. Phạm Bành quê làng Trương Xá, huyện Hậu Lộc, có tinh thần chủ chiến, nên đã treo án tử chức Án sát Nghệ An về quê vận động sĩ phu và nhân dân khởi nghĩa. Đinh Công Tráng quê làng Trảng Xá, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Vốn là một Chánh tổng giàu lòng yêu nước, khi quân Pháp kéo ra đánh Bắc Kỳ lần thứ hai (1882), Đinh Công Tráng đã từng hăng hái gia nhập đội quân của Hoàng Tá Viêm và phối hợp với Lưu Vĩnh Phúc đánh Pháp. Căn cứ Ba Đình có vị trí rất tiêu biểu, là một chiến tuyến phòng ngự quy mô nhất trong thời kỳ Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX của cả nước. Căn cứ này đã tiêu diệt hàng trăm tên lính Pháp, khiến cho chính quyền Paris hoang mang lo lắng. Cùng với căn cứ Ba Đình còn có căn cứ Mã Cao (huyện Yên Định) cách Ba Đình về phía Tây- Bắc chừng 40 km theo đường chim bay, do Hà Văn Mao đứng đầu.

Khởi nghĩa Ba Đình được coi là điển hình của lối đánh chiến tuyến cố định. Với chiến thuật này, nghĩa quân Ba Đình có khả năng tập trung lực lượng đánh những trận lớn. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình bị Pháp đàn áp năm 1887.

Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887-1892)

Sau khi căn cứ Ba Đình thất thủ, ở Thanh Hoá lại hình thành trung tâm kháng chiến Hùng Lĩnh trên thượng nguồn sông Mã, thuộc huyện Vĩnh Lộc. Lãnh đạo khởi nghĩa Hùng Lĩnh là Tiên sĩ Tống Duy Tân và Cao Điền.

⁹ *Histoire militaire de l'Indochine des débuts à nos jours (Lịch sử quân sự Đông Dương từ đầu đến ngày nay)*, IDEO, Hà Nội, 1922, tr.139.

Ngoài căn cứ chính ở Hùng Lĩnh, nghĩa quân còn mở rộng địa bàn hoạt động trên toàn vùng tả ngạn và hữu ngạn sông Mã, xa hơn nữa còn phối hợp với Nguyễn Đức Ngữ (Độc Ngữ) và Hoàng Văn Thúy (Đề Kiêu) ở hạ lưu sông Đà và Phan Đình Phùng ở Hương Khê (Hà Tĩnh). Trong hai năm 1889-1890, nghĩa quân hoạt động có hiệu quả, tổ chức nhiều trận phục kích tấn công quân Pháp trên đường hành quân, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Từ tháng 3-1890, địch tiếp tục truy quét nhằm tiêu diệt nghĩa quân. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bị thu hẹp dần, chỉ còn lại một vùng ở miền núi phía tây Thanh Hóa. Tháng 10-1892, Tổng Duy Tân bị Pháp bắt, sau đó bị đưa về tỉnh lỵ Thanh Hóa xử chém. Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh tan rã.

Ở miền núi phía tây Thanh Hóa còn có các cuộc chiến đấu do Hà Văn Mao cầm đầu ở vùng Diên Lư và hoạt động của nghĩa quân do Cầm Bá Thước lãnh đạo ở căn cứ trung tâm Trịnh Vạn. Năm 1895, Cầm Bá Thước bị bắt. Đến đây phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp ở Thanh Hóa hoàn toàn tan rã.

Khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896)

Đây là cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn nhất và kéo dài nhất trong phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bao gồm bốn tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, trong đó địa bàn chính là Nghệ An-Hà Tĩnh. Cuộc khởi nghĩa kéo dài từ 1885 đến 1896.

Phát cờ khởi nghĩa đầu tiên là Lê Ninh¹⁰ quê ở Trung Lễ (Đức Trung, Đức Thọ). Cuối năm 1885, Lê Ninh tổ chức tấn công thành Hà Tĩnh, giết chết Bố chánh Lê Đại theo Pháp. Cùng với khởi nghĩa Lê Ninh, còn có các cuộc khởi nghĩa của Cao Thắng, Cao Nữ ở Hương Sơn; Nguyễn Trạch và Nguyễn Chanh ở Can Lộc; Ngô Quảng và Hà Văn Mỹ ở Nghi Xuân; Nguyễn Hữu Thuận (Bá hộ Thuận) ở Thạch Hà; Phan Đình Phùng ở Đức Thọ. Ngoài ra còn có cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Xuân Ôn và Lê Doãn Nhạ kéo dài đến năm 1887.

Trên cơ sở các cuộc khởi nghĩa đó, Phan Đình Phùng đã tập hợp và phát triển thành một phong trào có quy mô rộng lớn khắp bốn tỉnh Bắc Trung Kỳ, với địa bàn chính ở Hương Khê, tồn tại liên tục trong 10 năm. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê là Phan Đình Phùng và Cao Thắng.

Phan Đình Phùng (1847-1895) quê làng Đông Thái (nay là xã Châu Phong) huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1883, Phan Đình Phùng bị cách chức và đày về quê. Nhưng khi triều đình kháng chiến chạy ra Hà Tĩnh, ông đã lên yết kiến vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết (10-1885),

¹⁰ Lê Ninh là con quan, được phong chức Âm sinh, nên thường gọi là Âm Ninh.

rồi được giao trọng trách tổ chức phong trào kháng chiến ở Hà Tĩnh. Suốt mười năm cuối thế kỷ XIX (1885-1895), ông đã phụ trách việc tổ chức xây dựng lực lượng nghĩa quân và chỉ huy cuộc chiến đấu, trở thành lãnh tụ tối cao của phong trào kháng Pháp ở đây. Dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, nghĩa quân đã xây dựng bốn căn cứ lớn.

Sang đầu năm 1889, nghĩa quân bắt đầu đẩy mạnh hoạt động trên khắp địa bàn Nghệ - Tĩnh, liên tục tổ chức tập kích địch, diệt viện và chống càn quét.

Trước sự lớn mạnh của phong trào, quân Pháp một mặt tăng cường càn quét, thu hẹp dần phạm vi hoạt động của nghĩa quân, mặt khác tìm cách cắt đứt mối liên hệ giữa các quân thứ và nghĩa quân với nhân dân. Trước tình hình đó, nghĩa quân phải rút lên núi Quạt, rồi núi Vũ Quang (Hương Khê)¹¹.

Ngày 17-10-1894, nghĩa quân Phan Đình Phùng đánh thắng một trận lớn ở Vũ Quang. Thắng trận lớn, nhưng nghĩa quân ngày càng suy yếu, quân số ngày càng giảm sút. Trong một trận ác chiến, chủ tướng Phan Đình Phùng bị thương và hy sinh ngày 28-12-1895¹².

Các cuộc khởi nghĩa Hương Khê, Ba Đình, Hùng Lĩnh... là đỉnh cao của phong trào Cần Vương chống xâm lược Pháp cuối thế kỷ XIX ở Trung Kỳ.

Trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX, song song với phong trào Cần Vương còn có các cuộc đấu tranh tự phát của nhân dân trong khắp ba miền. Đó là: Phong trào nông dân Yên Thế (1884-1913), do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo là phong trào đấu tranh vũ trang lớn và kéo dài nhất trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX¹³, "*toàn bộ vùng Nam Thái Nguyên, Bắc Bắc Ninh, Đáp Cầu, Bắc và Đông Phủ Lạng Thương đều quy thuộc Đề Thám và có thái độ chống đối rõ rệt các nhà cầm quyền Pháp và bản xứ*"¹⁴; Cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ và Trần Cao Vân nổ ra tại Phú Yên (1898), tuy là phong trào đấu tranh vũ trang mang màu

¹¹. Nay thuộc huyện Vũ Quang mới được thành lập. Huyện này mới được thành lập theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 4-8-2000 của Chính phủ.

¹² Trước đây thực dân Pháp tung tin Phan Đình Phùng chết vì bệnh kiệt lực. Nhưng các chi tiết về sự hy sinh anh dũng của ông đã được ghi cụ thể trong bức công điện của Khâm sứ Trung Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương. Theo *Lịch sử Nghệ-Tĩnh*, Nxb. Nghệ Tĩnh, Vinh, 1984, T.1, tr.276.

¹³ Hoàng Hoa Thám là một nông dân nghèo, quê ở làng Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên sau di cư lên Sơn Tây rồi lên Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Ông vốn là vị tướng của Đề Nắm, sau trở thành lãnh tụ của nghĩa quân Yên Thế. Hoàng Hoa Thám là người chỉ huy dũng cảm, mưu trí, có tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu chống Pháp kiên quyết đến cùng.

¹⁴ GalliĐni, *Trois colonies au Tonkin (1894-1895)* (Ba đạo quân ở Bắc kỳ), Pais, Libr. Militaire R. Chapplot et Cie, 1899, p99.

sắc tôn giáo, nhưng vẫn giữ một vị trí nhất định trong phong trào chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX của nhân dân ta; Nổi bật ở Nam Kỳ là cuộc khởi nghĩa của Trương Định. Trương Định người mở đầu phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân 6 tỉnh Nam Kỳ và cũng là người đầu tiên xây dựng tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các dân tộc trong sự nghiệp chống Pháp cứu nước. Thực dân Pháp phải thừa nhận, dưới sự chỉ huy của Trương Định *“quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở vùng giáp ranh giới tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa. Việc tham gia của những bộ lạc này chứng tỏ rằng cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa đã có một trợ thủ lực lượng quan trọng”*¹⁵.

3. Ý nghĩa lịch sử

- Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, vùng rừng núi luôn là địa bàn chiến lược quan trọng, là nơi được chọn làm căn cứ cho các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến chống giặc ngoại xâm khi thế lực của địch và ta còn quá chênh lệch. Khi cuộc chiến đấu chống Pháp do vua Hàm Nghi đứng đầu cùng các cận thần tổ chức ở Kinh thành Huế bị thất bại, thì lực lượng kháng chiến đã theo kinh nghiệm của cha ông rời bỏ Kinh thành, cho giặc “ở trọ” rút về vùng rừng núi để tiếp tục chiến đấu. Tân Sở là căn cứ đầu tiên và cuối cùng do đích thân triều đình Huế lựa chọn để kháng chiến chống Pháp. Và đây là lần đầu tiên người đứng đầu cả nước là vua Hàm Nghi công khai tổ chức, kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên đánh Pháp bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đã chọn Tân Sở làm trung tâm chỉ đạo kháng chiến là phù hợp với tình hình lúc bấy giờ để bảo toàn lực lượng. Tuy nhiên, Tân Sở đã bộc lộ nhiều yếu điểm khi bị quân Pháp tấn công. Vì vậy, trong các cuộc kháng chiến, việc chọn căn cứ địa là rất quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với sự thành bại của cuộc chiến tranh. Căn cứ kháng chiến, ngoài “căn cứ lòng dân” còn phụ thuộc nhiều vào khả năng cung cấp nhân lực, vật lực, độ an toàn khi bị tấn công, bao vây... Tuy thời gian tồn tại không được lâu, nhưng thành Tân Sở đã để lại những kinh nghiệm quý giá và bổ ích cho các thế hệ sau trong việc lựa chọn vị trí xây dựng căn cứ, xây dựng hậu phương... chống giặc cứu nước.

- Từ Tân Sở với Dụ Cần Vương của vua Hàm Nghi, một cao trào kháng Pháp đã nổ ra và lan rộng khắp mọi miền đất nước, khiến cho thực dân Pháp hoảng sợ và phải tìm mọi cách để đàn áp. Tuy phong trào diễn ra ở nhiều nơi với những mức độ khác nhau và cuối cùng bị thất bại, nhưng đây là phong trào đầu tiên và cuối cùng được phát động bởi chính

¹⁵ Poyen: *Notice sur l'artillerie de la marine en Cochinchine* (Sơ lược về pháo binh của hải quân ở Nam Kỳ). Paris, 1893, p87.

người đang đại diện cho đất nước và dân tộc - Vị vua yêu nước Hàm Nghi. Điều đó chứng tỏ truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc của nhân dân ta không bao giờ cạn. Nó sẽ trở thành sức mạnh quật khởi cuốn phăng mọi thế lực xâm lược nếu chúng ta biết huy động và tập hợp lại dưới ngọn cờ giải phóng dân tộc một cách đúng đắn.

- Phong trào hưởng ứng Dụ Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX đã để lại những bài học lịch sử quý giá về đoàn kết lực lượng, tổ chức, hợp đồng chiến đấu, xây dựng căn cứ... và nhất là về vai trò, vị trí lãnh đạo chỉ huy kháng chiến của tầng lớp sĩ phu phong kiến yêu nước. Mặc dù diễn ra dưới danh nghĩa Cần Vương, nhưng thực chất đây là một phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta. Lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa thời kỳ này bên cạnh là các võ quan triều là các văn thân, sĩ phu có chung một nỗi đau mất nước đã tự nguyện đứng lên kêu gọi các tầng lớp nhân dân tham gia chống quân xâm lược Pháp. Nhìn chung, phong trào giai đoạn này do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, nên vẫn mang tính chất địa phương, chưa phát triển thành một phong trào có quy mô toàn quốc, thiếu một sự phối hợp, liên kết cần thiết, trong khi kẻ thù có sự chỉ huy thống nhất và có uy thế tuyệt đối về vũ khí.

Sau khi phong trào Cần Vương bị thất bại và thực dân Pháp đặt ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam, nhưng tinh thần yêu nước, chống xâm lược của nhân dân ta qua phong trào này khiến kẻ thù phải thú nhận: *“Chúng ta không biết rằng Việt Nam là một dân tộc kiên cường, gắn bó với lịch sử riêng của mình, với những thể chế riêng của mình và thiết tha với nền độc lập của mình. Chúng ta không biết rằng Việt Nam chưa bao giờ khuất phục trước kẻ xâm lược... Tình trạng của chúng ta là rất đỗi khủng khiếp vì chúng ta phải đương đầu với một dân tộc thống nhất mà ý thức dân tộc của họ không hề bị suy yếu”*¹⁶. Điều đó hoàn toàn chính xác. Mùa Thu tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp phải chứng kiến cả dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng lên giành độc lập dân tộc và 9 năm sau, năm 1954, sau gần một trăm năm giấc mộng xâm lược và nô dịch của chúng bị tan thành mây khói, những tên xâm lược Pháp phải chịu thất bại thảm hại trước tinh thần yêu nước và khát vọng độc lập dân tộc của người Việt Nam.

Có thể nói, với Tân Sở và Dụ Cần Vương của vua Hàm Nghi cùng với cao trào kháng Pháp hưởng ứng Dụ Cần Vương là đỉnh cao của truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất chống xâm lược của nhân dân ta ở cuối thế kỷ XIX, mãi mãi là diêm son trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

¹⁶ F. Bernard: *E. Indochine: erreures et dangers* (Đông Dương, những sai lầm và nguy hiểm). Paris, 1901, tr. 11.